

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2018/HS-PT

Ngày: 08/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tuấn

Các thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng

Bà Nguyễn Thị Chinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2018/TLPT-HS ngày 18/4/2018 đối với bị cáo Bùi Thị H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Thị H - Sinh 20/05/1977, tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT: Phố Lê Thánh Tông, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn Minh Châu 1, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Lê Thị T; có chồng là Phạm Văn L; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ ngày 22/9/2017 đến ngày 25/9/2017 được thay biện pháp ngăn chặn; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20^h ngày 22/9/2017, Phạm Thị H ở thôn 3, xã Ngọc Liên, huyện N cùng với Trần Thị V, ở thôn Hợp Lực, xã Quảng Hợp, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đến nhà nghỉ Thanh Sơn, ở thôn Minh Châu 1, xã M, huyện N gặp Bùi Thị H chủ nhà nghỉ. H nói với H: “Khi nào có khách” (tức là khách mua dâm) thì gọi cho H, H đồng ý. Sau đó H và V đi xuống phòng nằm. Đến khoảng 20 giờ 10 phút cùng ngày thì có Phạm Văn Th và Lê Văn M đến nhà nghỉ gặp Bùi Thị H, Th hỏi: “Ở đây có gái không, gọi cho hai em”. H trả lời: “Có hai đứa nó vừa đến đây này”. Sau đó, H gọi điện thoại cho H để thống nhất về việc mua bán dâm và nói với Th: “Hai người hết 600.000đ”. Th đồng ý và đưa cho H 600.000đ. H nhận tiền rồi đi đến phòng 16 nói với H và V: “Có hai khách đến mua dâm, hai đứa có đồng ý không, 300.000đ một người/lượt, chị 150.000đ, em 150.000đ”, H và V đồng ý. H dẫn Th vào phòng số 16 với V, còn M vào phòng số 17 với H để quan hệ tình dục.

Khi các đối tượng đang chuẩn bị quan hệ tình dục thì bị Công an huyện N bắt quả tang, thu giữ tại phòng số 16 một (01) bao cao su chưa sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung SMG 6000, màu vàng đã qua sử dụng; thu giữ tại phòng số 17 một (01) bao cao su chưa sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1040, màu đen đã qua sử dụng. Tiến hành khám xét nơi ở của Bùi Thị H, thu giữ 24 bao cao su nhãn hiệu Omas Plain chưa sử dụng, đựng trong 04 hộp màu tím, kích thước 5x5x1cm để trong ngăn kéo tủ tivi tại phòng khách; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J3 màu trắng đã qua sử dụng tại quầy lễ tân. Bùi Thị H giao nộp lại 600.000VNĐ H thu của Th trước đó.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung SMG 6000 thu của Trần Thị V, không liên quan đến tội phạm, nên đã trả lại cho Trần Thị V; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM 1040 thu của Phạm Thị H là điện thoại H mượn của anh Bùi Hải D ở thôn Trung Chính, xã Cẩm Châu, huyện C, anh D không biết việc H sử dụng vào việc mua bán dâm, nên đã trả lại cho anh D.

Đối với Phạm Thị H, Trần Thị V, Phạm Văn Th và Lê Văn M có hành vi mua bán dâm, Công an huyện N đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Đối với Phạm Văn L, chồng của Bùi Thị H, là người đứng tên đại diện hộ kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của cơ sở kinh doanh Thanh Sơn, nhưng anh L thường xuyên đi làm ăn xa, đã giao cho Bùi Thị H quản lý, kinh doanh và việc H chứa mại dâm tại nhà nghỉ anh L không biết, nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh L.

Do có hành vi trên, tại Bản án số 01/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Toà án nhân dân huyện N đã quyết định: Bùi Thị H phạm tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng Khoản 1, Khoản 5 Điều 254; điểm p Khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS năm 1999; Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015; xử phạt Bùi Thị H 15 (mười lăm) tháng tù; phạt tiền bị cáo 5.000.000đ sung quỹ nhà nước. Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý tang vật, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Sau án sơ thẩm xử, ngày 14/3/2018, Bùi Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm của TAND huyện N tuyên phạt bị cáo 15 tháng tù và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội là quá nghiêm khắc, bị cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên nhận thấy bị cáo có thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới là: Tích cực giúp các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm trộm cắp tài sản ở địa phương. Mẹ và các con của bị cáo đều bị khuyết tật về mắt, về trí tuệ, về nghe nói ở mức độ nặng, đang được hưởng chế độ trợ cấp của nhà nước hàng tháng, cần có sự chăm sóc của bị cáo nên KSV đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e Khoản 1 Điều 357 BLTTHS 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo Bùi Thị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và xét xử ở cấp sơ thẩm, bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, về quyết định của người tiến hành tố tụng và của Cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định nên cần được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của bản án sơ thẩm, thể hiện: Vào khoảng 20^h 10 phút, ngày 22/9/2017, Phạm Văn Th, Lê Văn M đến nhà nghỉ Thanh Sơn của vợ chồng Bùi Thị H ở xã M, N để mua dâm. Tại đây Th hỏi H về việc mua bán dâm và H đã nhận của Th số tiền 600.000đ. Sau khi nhận tiền của Th thì H đã nói với Phạm Thị H và Trần Thị V là gái bán dâm đang có mặt tại nhà nghỉ do H quản lý, bán dâm cho Th và Lê Văn M tại phòng nghỉ số 16 và 17. Khi Phạm Văn Th và Trần Thị V, Lê Văn M và Phạm Thị H đang chuẩn bị thực hiện hành vi mua bán dâm tại nhà nghỉ Thanh Sơn thì bị Công an huyện N bắt quả tang.

[3] Hành vi nêu trên của Bùi Thị H phạm tội “Chứa mại dâm” theo Khoản 1 Điều 254 BLHS 1999 như cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử là có căn cứ. Bị cáo H cũng tự nhận thấy có tội như bản án sơ thẩm xử và chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa pH.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an ở địa pH, ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội và còn là nguyên nhân làm lây lan nhiều căn bệnh xã hội khác, làm ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p Khoản 1 Điều 46 BLHS1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; những tình tiết này đã được bản án sơ thẩm xem xét, đánh giá.

[6] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo và có thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới là: Trong thời gian được tại ngoại tại địa pH, bị cáo đã tích cực giúp các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn (có văn bản xác nhận của Cơ quan CSĐT Công an huyện N). Bị cáo đang nuôi mẹ già 78 tuổi bị khuyết tật về mắt và 02 con trai bị khuyết tật nặng về trí tuệ, không có khả năng lao động. Cả mẹ và 02 con của bị cáo đều đang hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng của nhà nước. Bị cáo hiện đang có bệnh “Hở van tim 02 lá” sức khỏe yếu, thường hay ngất (có giấy tờ của cơ sở y tế Việt Đức). Anh trai chồng bị cáo là liệt sỹ hy sinh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc; bị cáo cũng đã tự nguyện nộp số tiền phạt của bản án sơ thẩm thể hiện việc ăn năn hối cải và lo chấp hành án nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm q Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 BLHS1999. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên cũng cần được xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Xét thấy tại cấp phúc thẩm, bị cáo Bùi Thị H có thêm một số tình tiết giảm nhẹ mới và có nhân thân tốt. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú

ổn định. Các đối tượng cũng chưa thực hiện được việc mua bán dâm tại nhà nghỉ của H. Vì vậy Hội đồng xét xử có thể chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo giáo dục tại địa phương là phù hợp với quy định tại Điều 60 BLHS.

[8] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

[9] Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e Khoản 1 Điều 357 BLTTHS 2015.

Chấp nhận kháng cáo của Bùi Thị H; sửa Bản án số 01/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện N về hình phạt đối với Bùi Thị H.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 254; điểm p, q Khoản 1 Khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự 1999; Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bùi Thị H 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Chứa mại dâm” cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Bùi Thị H cho UBND xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Công nhận bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí HSST số tiền 5.200.000đ tại biên lai thu số AA/2011/00629 ngày 26/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- TAND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- Cơ quan THA hình sự, dân sự, bị cáo

(đã ký)

Dương Xuân Tuấn